

Số: 460/2026/QĐST-HNGĐ

Ninh Bình, ngày 24 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 268/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Thu H**, sinh ngày 07-7-1983; số căn cước công dân: 036183001499; nơi đăng ký thường trú: **Số C đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nơi cư trú: **Số B đường Y, phường Đ, tỉnh Ninh Bình**.

- Bị đơn: Anh **Phạm Hồng T**, sinh ngày 27-9-1980; căn cước công dân số: 036080023784; nơi đăng ký thường trú: **Số D đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nơi cư trú: **Số B đường T, phường T, tỉnh Ninh Bình**.

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Trịnh Thị Thu H** và anh **Phạm Hồng T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con **Phạm Ngọc B**, số định danh cá nhân: 036311014230, sinh ngày 31-10-2011, giới tính: nữ cho chị **Trịnh Thị Thu H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con **Phạm Ngọc T1**, số định danh cá nhân: 036314015629, sinh ngày 05-12-2014 giới tính: nữ cho anh **Phạm Hồng T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị **Trịnh Thị Thu H** và anh **Phạm Hồng T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

- Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 21, diện tích 43,6m²; địa chỉ: **Số B, tổ B, đường T, phường T, tỉnh Ninh Bình** đã được **Văn phòng Đ** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 06867806 ngày 20-5-2026 mang tên anh **Phạm Hồng T** và chị **Trịnh Thị Thu H**.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị **Trịnh Thị Thu H** và anh **Phạm Hồng T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Trịnh Thị Thu H** tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm và tạm ứng án phí chia tài sản là 21.300.000 đồng (hai mươi một triệu, ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 3882 ngày 26-5-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Trả lại chị **Trịnh Thị Thu H** số tiền 21.150.000 đồng (hai mươi một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7, Điều 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- UBND phường Đông A, tỉnh Ninh Bình (ĐKKH số 62 ngày ngày 19-10-2009 tại UBND xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cũ);
- Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Nhung